

# Hiểu rõ về các chương trình: bảng tóm lược quyền lợi

Các bảng trong một số trang tiếp theo cho biết mẫu quyền lợi của mỗi chương trình. Hãy xem biểu đồ dưới đây để hiểu rõ cách đọc các bảng này.

## Sau đây là phần sơ lược về cách sử dụng bảng

| Bảng tóm lược quyền lợi                                                                                     | KP<br>Kaiser Permanente – Silver 70<br>HMO Off Exchange                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Loại chương trình                                                                                           | Tiền khấu trừ                                                                     |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                              | \$5,400/\$10,800                                                                  |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                           | \$9,100/\$18,200                                                                  |
| <b>Quyền lợi</b>                                                                                            |                                                                                   |
| <b>Khám qua mạng</b>                                                                                        |                                                                                   |
| Trò chuyện, Email, Khám qua Mạng, Khám qua Điện thoại và Video                                              | Miễn phí                                                                          |
| <b>Chăm sóc phòng ngừa</b>                                                                                  |                                                                                   |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                            | Miễn phí                                                                          |
| <b>Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)</b>                                                 |                                                                                   |
| Khám chăm sóc chính tại phòng khám                                                                          | \$50                                                                              |
| Khám chăm sóc chuyên khoa tại phòng khám                                                                    | \$90                                                                              |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                               | \$95                                                                              |
| Hầu hết các xét nghiệm                                                                                      | \$50                                                                              |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                           | \$325                                                                             |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                        | 30%                                                                               |
| Khám sức khỏe tinh thần                                                                                     | \$50                                                                              |
| <b>Chăm sóc nội trú tại bệnh viện</b>                                                                       |                                                                                   |
| Phòng ở và ăn uống, phẫu thuật, gây mê/tê, chụp X-quang, xét nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tinh thần | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| <b>Thai sản</b>                                                                                             |                                                                                   |
| Khám chăm sóc tiền sản định kỳ, khám hậu sản lần đầu                                                        | Miễn phí                                                                          |
| Sinh con và chăm sóc sức khỏe nội trú cho trẻ nhỏ                                                           | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| <b>Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp</b>                                                                         |                                                                                   |
| Khám tại Khoa Cấp cứu                                                                                       | \$450                                                                             |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                      | \$50                                                                              |
| <b>Thuốc theo toa (tối đa 30 ngày thuốc)</b>                                                                |                                                                                   |
| Thuốc gốc (Bậc 1)                                                                                           | \$19*                                                                             |
| Thuốc biệt dược ưu tiên (Bậc 2)                                                                             | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc*                           |
| Thuốc biệt dược không ưu tiên (Bậc 2)                                                                       | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc*                           |
| Thuốc chuyên khoa (Bậc 4)                                                                                   | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc |
| <b>Sức khỏe tổng thể</b>                                                                                    |                                                                                   |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                   | Khuyến mãi mất kính†<br>kp2020.org (Tiếng Anh)                                    |

**KP** Được cung cấp qua Kaiser Permanente

**E** Được cung cấp qua thị trường quyền lợi bảo hiểm sức khỏe

### Số tiền khấu trừ hàng năm

Quý vị cần thanh toán số tiền này trước khi chương trình của quý vị bắt đầu giúp quý vị thanh toán cho hầu hết các dịch vụ được đài thọ. Trong chương trình mẫu này, quý vị sẽ trả toàn bộ số tiền phải trả cho các dịch vụ được đài thọ cho tới khi quý vị đạt đến \$5,400 cho bản thân hoặc \$10,800 cho gia đình. Sau đó quý vị sẽ bắt đầu trả tiền đồng trả hoặc tiền đồng bảo hiểm.

### Chi phí tự trả tối đa hàng năm

Đây là số tiền cao nhất quý vị sẽ trả cho dịch vụ chăm sóc trong suốt năm lịch đó trước khi chương trình của quý vị bắt đầu thanh toán 100% cho hầu hết các dịch vụ được đài thọ. Trong ví dụ này, quý vị sẽ không phải trả hơn \$9,100 cho bản thân và không hơn \$18,200 cho gia đình quý vị cho các khoản tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ trong năm lịch.

### Chăm sóc phòng ngừa miễn phí

Hầu hết các dịch vụ chăm sóc phòng ngừa — bao gồm khám sức khỏe định kỳ và chụp quang tuyến vú — được đài thọ miễn phí. Ngoài ra, chúng không phụ thuộc vào tiền khấu trừ.

### Được đài thọ trước khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ

Với một số dịch vụ, quý vị chỉ trả tiền đồng trả hoặc tiền đồng bảo hiểm bất kể quý vị có đạt đến tiền khấu trừ hay không. Trong chương trình này, những lần khám chăm sóc chính được đài thọ ở mức tiền đồng trả \$50, ngay cả trước khi quý vị đáp ứng tiền khấu trừ. Với chương trình khấu trừ Silver, những lần khám chăm sóc chính, chăm sóc chuyên khoa và chăm sóc khẩn cấp đều được đài thọ trước khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ.

### Tiền đồng bảo hiểm

Sau khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ, đây là tỷ lệ phần trăm số tiền phải trả mà quý vị có thể trả cho các dịch vụ được đài thọ. Tại đây, quý vị sẽ trả 30% chi phí mỗi ngày được chăm sóc nội trú tại bệnh viện sau khi quý vị đạt đến số tiền khấu trừ của mình. Chương trình của quý vị sẽ trả phần còn lại trong thời gian còn lại của năm lịch.

### Tiền đồng trả

Đây là số tiền được ấn định mà quý vị phải trả cho các dịch vụ được đài thọ, thường sau khi quý vị đạt đến số tiền khấu trừ của mình. Trong ví dụ này, quý vị sẽ bắt đầu trả \$50 tiền đồng trả cho các lần khám chăm sóc khẩn cấp, cho dù quý vị đã đạt đến số tiền khấu trừ của mình hay chưa.

\*Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

† Khuyến mãi mất kính và các dịch vụ khác được trình bày có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo phạm vi bảo hiểm của quý vị. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc chi phí tự trả tối đa.

**KP** Được cung cấp qua Kaiser Permanente

**E** Được cung cấp qua thị trường quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

Các tùy chọn trợ cấp tài chính với tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ thấp hơn áp dụng cho một số chương trình và dành cho người Alaska Bản Địa cũng như Người Da Đỏ Châu Mỹ trên CoveredCA.com.

| Bảng tóm lược quyền lợi                                                                                     | <b>KP</b><br>Kaiser Permanente –<br>Bronze 60 HMO 8200/0%                                  | <b>KP</b> <b>E</b><br>Kaiser Permanente –<br>Bronze 60 HDHP HMO                                         | <b>KP</b> <b>E</b><br>Kaiser Permanente –<br>Bronze 60 HMO                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Loại chương trình</b>                                                                                    | <b>Tiền khấu trừ</b>                                                                       | <b>Đạt tiêu chuẩn HSA</b>                                                                               | <b>Tiền khấu trừ</b>                                                                       |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                              | \$8,200/\$16,400                                                                           | \$7,050/\$14,100                                                                                        | \$6,300/\$12,600                                                                           |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                           | \$8,200/\$16,400                                                                           | \$7,050/\$14,100                                                                                        | \$9,100/\$18,200                                                                           |
| <b>Quyền lợi</b>                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| <b>Khám qua mạng</b>                                                                                        |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Email, Khám qua Mạng, Khám qua Điện thoại và Video                                                          | Miễn phí                                                                                   | Email, Khám qua mạng: Miễn phí.<br>Khám qua Điện thoại và Video: Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ | Miễn phí                                                                                   |
| <b>Chăm sóc phòng ngừa</b>                                                                                  |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                            | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                                | Miễn phí                                                                                   |
| <b>Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)</b>                                                 |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Khám chăm sóc chính tại phòng khám                                                                          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 3 lần thăm khám đầu tiên \$60; sau đó \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ <sup>‡</sup>      |
| Khám chăm sóc chuyên khoa tại phòng khám                                                                    | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 3 lần thăm khám đầu tiên \$95; sau đó \$95 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ <sup>‡</sup>      |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                               | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                          |
| Hầu hết các xét nghiệm                                                                                      | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | \$40                                                                                       |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                           | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                          |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                        | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                          |
| Khám sức khỏe tinh thần                                                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | Miễn phí                                                                                   |
| <b>Chăm sóc nội trú tại bệnh viện</b>                                                                       |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Phòng ở và ăn uống, phẫu thuật, gây mê/tê, chụp X-quang, xét nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tinh thần | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                          |
| <b>Thai sản</b>                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Khám chăm sóc tiền sản định kỳ, khám khám sản lần đầu                                                       | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                                | Miễn phí                                                                                   |
| Sinh con và chăm sóc sức khỏe nội trú cho trẻ nhỏ                                                           | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                          |
| <b>Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp</b>                                                                         |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Khám tại Khoa Cấp cứu                                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                          |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                      | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 3 lần thăm khám đầu tiên \$60; sau đó \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ <sup>‡</sup>      |
| <b>Thuốc theo toa (tối đa 30 ngày thuốc)</b>                                                                |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Thuốc gốc (Bậc 1)                                                                                           | \$20*                                                                                      | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | \$17 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc*                                    |
| Thuốc biệt dược ưu tiên (Bậc 2)                                                                             | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc, tối đa \$500 mỗi toa thuốc          |
| Thuốc biệt dược không ưu tiên (Bậc 2)                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc, tối đa \$500 mỗi toa thuốc          |
| Thuốc chuyên khoa (Bậc 4)                                                                                   | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc, tối đa \$500 mỗi toa thuốc          |
| <b>Sức khỏe tổng thể</b>                                                                                    |                                                                                            |                                                                                                         |                                                                                            |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                   | Khuyến mãi mắt kính <sup>†</sup><br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) | Khuyến mãi mắt kính <sup>†</sup><br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh)              | Khuyến mãi mắt kính <sup>†</sup><br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) |

<sup>‡</sup> Chương trình Kaiser Permanente Bronze 60 HMO bao gồm ba lần thăm khám tại phòng khám cho tiền đồng trả quyền lợi trước khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ. Những lần thăm khám tại phòng khám bao gồm chăm sóc chính, chuyên khoa, khẩn cấp hoặc sức khỏe tinh thần cho bệnh nhân ngoại trú và chăm sóc sử dụng chất gây nghiện.

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

<sup>†</sup> Khuyến mãi mắt kính và các dịch vụ khác được trình bày có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo phạm vi bảo hiểm của quý vị. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc chi phí tự trả tối đa.

Bảng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Tổng Hợp Thỏa Thuận Tư Cách Hội Viên, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (Combined Membership Agreement, Evidence of Coverage, and Disclosure Form, EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể. Đề yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](http://kp.org/plandocuments) (Tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.

**KP** Được cung cấp qua Kaiser Permanente

**E** Được cung cấp qua thị trường quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

Các tùy chọn trợ cấp tài chính với tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ thấp hơn áp dụng cho một số chương trình và dành cho người Alaska Bản Địa cũng như Người Da Đỏ Châu Mỹ trên CoveredCA.com.

| Bảng tóm lược quyền lợi                                                                                     | KP<br>Kaiser Permanente – Silver 70 HDHP HMO 3600/25%                                                | KP<br>Kaiser Permanente – Silver 70 HMO Off Exchange                              | E<br>Kaiser Permanente – Silver 70 HMO                                            | KP<br>Kaiser Permanente – Silver 70 HMO 2850/50                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Loại chương trình                                                                                           | Đạt tiêu chuẩn HSA                                                                                   | Tiền khấu trừ                                                                     | Tiền khấu trừ                                                                     | Tiền khấu trừ                                                                     |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                              | \$3,600/\$7,200                                                                                      | \$5,400/\$10,800                                                                  | \$5,400/\$10,800                                                                  | \$2,850/\$5,700                                                                   |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                           | \$7,200/\$14,400                                                                                     | \$9,100/\$18,200                                                                  | \$9,100/\$18,200                                                                  | \$8,750/\$17,500                                                                  |
| Quyền lợi                                                                                                   |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Khám qua mạng                                                                                               |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Email, Khám qua Mạng, Khám qua Điện thoại và Video                                                          | Email, Khám qua mạng: Miễn phí. Khám qua Điện thoại và Video: Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ | Miễn phí                                                                          | Miễn phí                                                                          | Miễn phí                                                                          |
| Chăm sóc phòng ngừa                                                                                         |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                            | Miễn phí                                                                                             | Miễn phí                                                                          | Miễn phí                                                                          | Miễn phí                                                                          |
| Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)                                                        |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Khám chăm sóc chính tại phòng khám                                                                          | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$50                                                                              | \$50                                                                              | \$50                                                                              |
| Khám chăm sóc chuyên khoa tại phòng khám                                                                    | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$90                                                                              | \$90                                                                              | \$80                                                                              |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                               | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$95                                                                              | \$95                                                                              | \$70 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                |
| Hầu hết các xét nghiệm                                                                                      | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$50                                                                              | \$50                                                                              | \$30 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                           | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$325                                                                             | \$325                                                                             | \$350 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                               |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                        | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | 30%                                                                               | 30%                                                                               | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Khám sức khỏe tinh thần                                                                                     | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$50                                                                              | \$50                                                                              | \$50                                                                              |
| Chăm sóc nội trú tại bệnh viện                                                                              |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Phòng ở và ăn uống, phẫu thuật, gây mê/tê, chụp X-quang, xét nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tinh thần | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Thai sản                                                                                                    |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Khám chăm sóc tiền sản định kỳ, khám hậu sản lần đầu                                                        | Miễn phí                                                                                             | Miễn phí                                                                          | Miễn phí                                                                          | Miễn phí                                                                          |
| Sinh con và chăm sóc sức khỏe nội trú cho trẻ nhỏ                                                           | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp                                                                                |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Khám tại Khoa Cấp cứu                                                                                       | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$450                                                                             | \$450                                                                             | \$350 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                               |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                      | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                    | \$50                                                                              | \$50                                                                              | \$50                                                                              |
| Thuốc theo toa (tối đa 30 ngày thuốc)                                                                       |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Thuốc gốc (Bậc 1)                                                                                           | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                        | \$19*                                                                             | \$19*                                                                             | \$20*                                                                             |
| Thuốc biệt dược ưu tiên (Bậc 2)                                                                             | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                        | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc*                           | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc*                           | \$75 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$450 cho nhà thuốc*                           |
| Thuốc biệt dược không ưu tiên (Bậc 2)                                                                       | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                        | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc*                           | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc*                           | \$75 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$450 cho nhà thuốc*                           |
| Thuốc chuyên khoa (Bậc 4)                                                                                   | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                        | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$150 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$450 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc |
| Sức khỏe tổng thể                                                                                           |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                   | Khuyến mãi mất kính†<br>kp2020.org (Tiếng Anh)                                                       | Khuyến mãi mất kính†<br>kp2020.org (Tiếng Anh)                                    | Khuyến mãi mất kính†<br>kp2020.org (Tiếng Anh)                                    | Khuyến mãi mất kính†<br>kp2020.org (Tiếng Anh)                                    |

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

† Khuyến mãi mất kính và các dịch vụ khác được trình bày có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo phạm vi bảo hiểm của quý vị. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc chi phí tự trả tối đa.

Bảng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Tổng Hợp Thỏa Thuận Từ Cách Hội Viên, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể.

Để yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](https://kp.org/plandocuments) (Tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.

**KP** Được cung cấp qua Kaiser Permanente

**E** Được cung cấp qua thị trường quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

Các tùy chọn trợ cấp tài chính với tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ thấp hơn áp dụng cho một số chương trình và dành cho người Alaska Bản Địa cũng như Người Da Đỏ Châu Mỹ trên CoveredCA.com.

| Bảng tóm lược quyền lợi                                                                                     | <b>KP</b> <b>E</b><br>Kaiser Permanente – Gold 80 HMO                                      | <b>KP</b> <b>E</b><br>Kaiser Permanente – Gold 80 HMO Coinsurance                          | <b>KP</b> <b>E</b><br>Kaiser Permanente – Platinum 90 HMO                                  | <b>KP</b> <b>E</b><br>Kaiser Permanente – Minimum Coverage HMO <sup>††</sup>                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Loại chương trình                                                                                           | Tiền đồng trả                                                                              | Tiền đồng trả                                                                              | Tiền đồng trả                                                                              | Tiền khấu trừ                                                                                                |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                              | Không có/Không có                                                                          | Không có/Không có                                                                          | Không có/Không có                                                                          | \$9,450/\$18,900                                                                                             |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                           | \$8,700/\$17,400                                                                           | \$8,700/\$17,400                                                                           | \$4,500/\$9,000                                                                            | \$9,450/\$18,900                                                                                             |
| Quyền lợi                                                                                                   |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Khám qua mạng                                                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Email, Khám qua Mạng, Khám qua Điện thoại và Video                                                          | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                                     |
| Chăm sóc phòng ngừa                                                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                            | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                                     |
| Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)                                                        |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Khám chăm sóc chính tại phòng khám                                                                          | \$35                                                                                       | \$35                                                                                       | \$15                                                                                       | Miễn phí 3 lần thăm khám đầu tiên tại phòng khám.*** Những lần sau đó miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ |
| Khám chăm sóc chuyên khoa tại phòng khám                                                                    | \$65                                                                                       | \$65                                                                                       | \$30                                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                               | \$75                                                                                       | \$75                                                                                       | \$30                                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Hầu hết các xét nghiệm                                                                                      | \$40                                                                                       | \$40                                                                                       | \$15                                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                           | \$75                                                                                       | 25%                                                                                        | \$75                                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                        | \$170                                                                                      | 30%                                                                                        | \$95                                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Khám sức khỏe tinh thần                                                                                     | \$35                                                                                       | \$35                                                                                       | \$15                                                                                       | Miễn phí                                                                                                     |
| Chăm sóc nội trú tại bệnh viện                                                                              |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Phòng ở và ăn uống, phẫu thuật, gây mê/tê, chụp X-quang, xét nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tinh thần | \$330 mỗi ngày, tối đa 5 ngày**                                                            | 30%                                                                                        | \$225 mỗi ngày, tối đa 5 ngày**                                                            | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Thai sản                                                                                                    |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Khám chăm sóc tiền sản định kỳ, khám hậu sản lần đầu                                                        | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                   | Miễn phí                                                                                                     |
| Sinh con và chăm sóc sức khỏe nội trú cho trẻ nhỏ                                                           | \$330 mỗi ngày, tối đa 5 ngày**                                                            | 30%                                                                                        | \$225 mỗi ngày, tối đa 5 ngày**                                                            | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp                                                                                |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Khám tại Khoa Cấp cứu                                                                                       | \$350                                                                                      | \$350                                                                                      | \$150                                                                                      | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                      | \$35                                                                                       | \$35                                                                                       | \$15                                                                                       | Miễn phí 3 lần thăm khám đầu tiên tại phòng khám.*** Những lần sau đó miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ |
| Thuốc theo toa (tối đa 30 ngày thuốc)                                                                       |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Thuốc gốc (Bậc 1)                                                                                           | \$15*                                                                                      | \$15*                                                                                      | \$7*                                                                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Thuốc biệt dược ưu tiên (Bậc 2)                                                                             | \$60*                                                                                      | \$60*                                                                                      | \$16*                                                                                      | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Thuốc biệt dược không ưu tiên (Bậc 2)                                                                       | \$60*                                                                                      | \$60*                                                                                      | \$16*                                                                                      | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Thuốc chuyên khoa (Bậc 4)                                                                                   | 20%<br>tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                                          | 20%<br>tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                                          | 10%<br>tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                                          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       |
| Sức khỏe tổng thể                                                                                           |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                                                                                                              |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                   | Khuyến mãi mắt kính <sup>†</sup><br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) | Khuyến mãi mắt kính <sup>†</sup><br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) | Khuyến mãi mắt kính <sup>†</sup><br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) | Khuyến mãi mắt kính <sup>†</sup><br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh)                   |

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

† Khuyến mãi mắt kính và các dịch vụ khác được trình bày có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo phạm vi bảo hiểm của quý vị. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc chi phí tự trả tối đa.

\*\* Sau 5 ngày, miễn phí cho các dịch vụ được đài thọ liên quan đến nhập viện.

†† Chỉ những người yêu cầu dưới 30 tuổi, hoặc những người yêu cầu từ 30 tuổi trở lên cung cấp chứng nhận của Covered California chứng tỏ hoàn cảnh khó khăn hoặc thiếu bảo hiểm chi phí phải chăng, mới có thể mua một chương trình Minimum Coverage HMO.

\*\*\* Chương trình Kaiser Permanente Minimum Coverage HMO bao gồm ba lần thăm khám miễn phí tại phòng khám trước khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ. Thăm khám tại phòng khám bao gồm chăm sóc chính và chăm sóc khẩn cấp.

Bảng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Tổng Hợp Thỏa Thuận Từ Cách Hội Viên, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể. Để yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](http://kp.org/plandocuments) (Tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.

## Chương Trình Giảm Phần Chia Sẻ Chi Phí (CSR)

**E** Được cung cấp qua thị trường quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

Quý vị phải đủ điều kiện và ghi danh chương trình Giảm Phần Chia Sẻ Chi Phí (Cost Share Reduction, CSR) trên trang này thông qua Covered California.

| <b>Bảng tóm lược quyền lợi</b>                                                                              | <b>E Kaiser Permanente – Silver 73 HMO</b>                                     | <b>E Kaiser Permanente – Silver 87 HMO</b>                                     | <b>E Kaiser Permanente – Silver 94 HMO</b>                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Loại chương trình</b>                                                                                    | <b>Tiền đồng trả</b>                                                           | <b>Tiền đồng trả</b>                                                           | <b>Tiền đồng trả</b>                                                           |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                              | Không có/Không có                                                              | Không có/Không có                                                              | Không có/Không có                                                              |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                           | \$6,100/\$12,200                                                               | \$3,000/\$6,000                                                                | \$1,150/\$2,300                                                                |
| <b>Quyền lợi</b>                                                                                            |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| <b>Khám qua mạng</b>                                                                                        |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Email, Khám qua Mạng, Khám qua Điện thoại và Video                                                          | Miễn phí                                                                       | Miễn phí                                                                       | Miễn phí                                                                       |
| <b>Chăm sóc phòng ngừa</b>                                                                                  |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                            | Miễn phí                                                                       | Miễn phí                                                                       | Miễn phí                                                                       |
| <b>Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)</b>                                                 |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Khám chăm sóc chính tại phòng khám                                                                          | \$35                                                                           | \$15                                                                           | \$5                                                                            |
| Khám chăm sóc chuyên khoa tại phòng khám                                                                    | \$85                                                                           | \$25                                                                           | \$8                                                                            |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                               | \$95                                                                           | \$40                                                                           | \$8                                                                            |
| Hầu hết các xét nghiệm                                                                                      | \$50                                                                           | \$20                                                                           | \$8                                                                            |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                           | \$325                                                                          | \$100                                                                          | \$50                                                                           |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                        | 30%                                                                            | 20%                                                                            | 10%                                                                            |
| Khám sức khỏe tinh thần                                                                                     | \$35                                                                           | \$15                                                                           | \$5                                                                            |
| <b>Chăm sóc nội trú tại bệnh viện</b>                                                                       |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Phòng ở và ăn uống, phẫu thuật, gây mê/tê, chụp X-quang, xét nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tinh thần | 30%                                                                            | 20%                                                                            | 10%                                                                            |
| <b>Thai sản</b>                                                                                             |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Khám chăm sóc tiền sản định kỳ, khám hậu sản lần đầu                                                        | Miễn phí                                                                       | Miễn phí                                                                       | Miễn phí                                                                       |
| Sinh con và chăm sóc sức khỏe nội trú cho trẻ nhỏ                                                           | 30%                                                                            | 20%                                                                            | 10%                                                                            |
| <b>Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp</b>                                                                         |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Khám tại Khoa Cấp cứu                                                                                       | \$350                                                                          | \$150                                                                          | \$50                                                                           |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                      | \$35                                                                           | \$15                                                                           | \$5                                                                            |
| <b>Thuốc theo toa (tối đa 30 ngày thuốc)</b>                                                                |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Thuốc gốc (Bậc 1)                                                                                           | \$15*                                                                          | \$5*                                                                           | \$3*                                                                           |
| Thuốc biệt dược ưu tiên (Bậc 2)                                                                             | \$55*                                                                          | \$25*                                                                          | \$10*                                                                          |
| Thuốc biệt dược không ưu tiên (Bậc 2)                                                                       | \$55*                                                                          | \$25*                                                                          | \$10*                                                                          |
| Thuốc chuyên khoa (Bậc 4)                                                                                   | 20%<br>tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                              | 15%<br>tối đa \$150 mỗi toa thuốc                                              | 10%<br>tối đa \$150 mỗi toa thuốc                                              |
| <b>Sức khỏe tổng thể</b>                                                                                    |                                                                                |                                                                                |                                                                                |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                   | Khuyến mãi mất kính†<br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) | Khuyến mãi mất kính†<br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) | Khuyến mãi mất kính†<br><a href="http://kp2020.org">kp2020.org</a> (Tiếng Anh) |

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

† Khuyến mãi mất kính và các dịch vụ khác được trình bày có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo phạm vi bảo hiểm của quý vị. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc chi phí tự trả tối đa.

Bảng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Tổng Hợp Thỏa Thuận Tư Cách Hội Viên, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể. Để yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](http://kp.org/plandocuments) (Tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.